

**Địa Tạng Kinh Huyền Nghĩa****Tập 5****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 1998****Địa điểm: Tịnh Tông Học Hội\_Singapore**

Mời mở kinh ra, Địa Tạng Kinh Khoa Chú, luận quán trang thứ nhất, từ dưới đếm lên hàng thứ hai, bắt đầu xem từ đoạn giữa.

“Thị dĩ Địa Tạng từ vương, thiên hướng u minh giới nội, dĩ đồng thể từ bi, kiếp kiếp cứu viện nhi vị nghệ. Thích Ca Văn Phật đặc thăng Đạo lợi thiên trung, báo thánh mẫu ân đức, truân truân phó chúc dĩ tần thân. Linh hướng Phật pháp trung, hiển thiểu thủy thiểu hoa, tịnh thoát u đồ chi khổ”. Hôm qua chúng ta nói đến đây, vì hết giờ nên không thể giảng hết đoạn này. Chúng ta xem tiếp câu dưới: “Tỉ từng đại sĩ tiên, năng nhất chiêm nhất lễ, hàm môn thắng địa chi hoan, công mạc kinh yên, nghĩa phủ lượng hỷ”. Đến đây mới là một đoạn.

Trong phần nói rõ về duyên khởi của kinh, đại sư Thanh Liên đưa ra một cương lĩnh chung cho việc tu học. Ở trước có trình bày với quý vị, nếu có thể tu học như lý như pháp, nhất định có thể thoát ly khổ não của đường ác. Nếu có thể khiến công phu mình càng nâng cao hơn, đây chính là đoạn sau cùng.

Chúng ta ở trước Bồ Tát, “một chiêm một lễ”. Trong chiêm lễ hàm nghĩa rất sâu, không phải nói mỗi ngày thấy hình tượng Bồ Tát, đánh lễ mấy lạy, vậy là được phước rồi sao? Điều này chưa hẳn. Phải như thế nào mới đạt được lợi ích thật sự? Đến thánh nhân thế gian đều dạy chúng ta: “trong ngoài nhất như”, như vậy sẽ được lợi ích. Chiêm lễ là bên ngoài, bên ngoài rất lễ độ, rất cung kính, nếu nội tâm không tương ứng, vẫn không đạt được lợi ích.

Như cô nhân phê bình người niệm Phật, người niệm Phật một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, tâm vẫn suy nghĩ lung tung, nói với họ: “hết hư công hòng chỉ uổng công”. Cùng một đạo lý, dù bên ngoài tỏ vẻ rất cung kính Phật Bồ Tát, trong tâm chưa đoạn thị phi nhân ngã, tham sân si mạn. Vậy cũng uổng phí, cũng là điều không trọn vẹn.

Từ thâm nghĩa trong chiêm ngưỡng này, có thể cảm nhận được, giáo huấn của Bồ Tát trong kinh điển đối với chúng ta. Thấy hình tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát, liền nhớ đến đại sự này, lập tức nhớ lại giáo huấn của Bồ Tát, sự chiêm ngưỡng này đã có công đức. Lễ là gì? Lễ là phụng hành. Nhớ lại, cảnh tỉnh lập tức làm theo, đây là lễ. Do đây có thể biết, chiêm là nhắc nhở chúng ta giải môn, lễ là nhắc nhở chúng ta hành môn. Giải hành

tương ưng, thực hành trong cuộc sống hằng ngày mới có thể nhận được hiệu quả.

Quý vị xem, sáng hôm nay vị đồng tu Dallas đưa ra một vấn đề, nói trong pháp hội Phật thất có thể nhiếp tâm, sau khi trở về nhà, tâm lại tán loạn, vọng tưởng tạp niệm lại khởi lên, như vậy nghĩa là sao? Hiện tượng này rất phổ biến, cổ kim đều có. Vì thế người học Phật, học suốt đời đều không thể thành tựu, còn phải đợi đến đời sau, ai không như vậy? Bao gồm chúng ta trong đó. Trong kinh Đức Phật nói không sai, mỗi đồng tu từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đều đang dụng công, đều đang nỗ lực, đều đang tu hành, vô lượng kiếp cho đến hôm nay. Hôm nay chúng ta nghĩ xem, chúng ta thành tựu ở đâu? Nguyên nhân không thể thành tựu là gì? Không buông bỏ, không chịu buông bỏ. Vì sao không chịu buông bỏ? Vì chưa thấu triệt chân tướng sự thật, chưa minh bạch lắm, vẫn mê hoặc trong cảnh giới hư huyền, là nhân tố này tạo thành. Nếu thật sự nhìn thấu những huyền tướng của y chánh trang nghiêm này, những hiện tượng này Phật nói rất hay: “mộng huyền bào ảnh”. Chúng ta nghe cũng rất quen tai, nhưng không bao giờ xem nó là mộng huyền bào ảnh, luôn cho nó là chân thật. Cho nên trong cuộc sống, không làm được tự tại tùy duyên, vẫn là phan duyên. Đây là sống theo vọng tưởng phiền não của mình, chưa xả bỏ điều này. Phật dạy chúng ta buông bỏ là buông bỏ điều này, chúng ta chưa buông bỏ. Sau khi buông bỏ vọng tưởng phiền não, cuộc sống chúng ta nương vào trí tuệ. Nói ra đạo lý này, chúng ta cũng không thể nói không hiểu, chúng ta cũng hiểu, thậm chí bản thân chúng ta cũng biết nói. Vì sao không làm được? Hai nhân tố, thứ nhất tập khí nghiệp chướng của mình quá nặng, khởi hiện hành lúc nào không hay. Thứ hai là đối với chân tướng sự thật này, chưa nhận thức thấu triệt. Có một chút nhận thức, chưa đủ thấu triệt, cho nên vẫn không khởi tác dụng, nguyên nhân là đây.

Cho nên không biết nghĩa thú thậm thâm “nhất chiêm nhất lễ” trong kinh, tưởng rằng bản thân y giáo phụng hành. Tôi thấy hình tượng Phật Bồ Tát, đều cung kính chiêm ngưỡng, đều cung kính lễ bái, hình như tôi đều làm được. Nhưng trong kinh nói nhiều công đức lợi ích như thế, tôi chưa đạt đến, do đó vẫn hoàn nghi. Khởi hoài nghi đối với thánh giáo: trong kinh Phật nói không đáng tin, không phải thật, đại khái đều là khuyên người làm thiện. Người sanh khởi ý niệm này nhiều, từ xưa đến nay rất nhiều, như vậy là sao? Là quan niệm của riêng mình, là cách nghĩ cách làm của mình, suy đoán giáo huấn của Phật Bồ Tát. Người này không có lòng tin đối với thánh giáo, tin vào vọng tưởng, vọng niệm của mình. Trong Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “niềm tin là mẹ của mọi công đức”, không kiến lập tín tâm sao có thể thành tựu được? Nói về vấn đề tín tâm quả thật rất khó.

Tôi xuất gia hai năm mới thọ giới, thọ đại giới xong, việc đầu tiên đương nhiên là trở về Đài Bắc thăm thầy, cảm ơn sự bồi đắp của thầy. Gặp thầy Lý, thầy Lý thấy tôi đến, câu đầu tiên nói với tôi: “Thầy phải tin Phật”. Tôi nghe vậy cảm thấy ngỡ ngàng. Tôi học Phật bảy năm mới xuất gia, vừa xuống tóc là dạy ở Phật học viện, giới Sa Di cũng chưa thọ. Xuống tóc xong, pháp sư Bạch Thánh liền bảo tôi đến dạy học ở học viện Tam Tạng. Tôi vừa xuất gia là bắt đầu giảng kinh, hai năm sau thọ giới, tôi dạy hai năm, giảng hai năm, vậy mà vừa gặp thầy Lý đã nói “thầy phải tin Phật. Tôi cảm thấy rất mù mờ, sao tôi không tin Phật được chứ? Thầy giải thích cho tôi, nói với tôi tin Phật rất khó. Có biết bao nhiêu người, sống bảy tám mươi tuổi, đến chết vẫn chưa tin Phật. Tiêu chuẩn “tin” là gì? Thấu hiểu lý của nó, thực hành sự của nó, mới gọi là tin Phật. Đối với đạo lý Đức Phật dạy, không hiểu thấu đáo, không làm được, vậy là chưa tin Phật. Chúng tôi nghe thế mới hiểu tiêu chuẩn hai chữ “tin Phật” mà thầy nói, nghĩ lại đúng là không dễ.

Về sau tôi giảng kinh nói đến chữ “tín” này, tôi có rất nhiều cách nói. “Mê tín” họ cũng tin Phật, đối với lý luận của Phật không chút thông suốt, nhưng họ vẫn tin, đây gọi là mê tín. Mê lý này, nhưng hình như họ cũng tin, đây là một loại. Loại thứ hai là “cưỡng tín”, tin miễn cưỡng. Loại thứ ba, nhà Phật gọi là “chánh tín”, chánh tín đối với lý luận ít nhiều cũng hiểu một chút. Vì sao tin Phật? Vì ngài có lý luận y cứ. Đối với lý hiểu càng sâu, tín tâm của họ cũng càng sâu, đây thuộc về chánh tín. Thật sự có thể hiểu thấu triệt mà hành trì sự của nó, nỗ lực thực hành, đó gọi là “chân tín”. Thầy Lý nói đến tiêu chuẩn tin Phật là chân tín, thông thường chúng ta nói đến chánh tín đều không bao hàm trong đó, chân tín. Chân tín là y giáo phụng hành. Nói như vậy, chúng ta đã lý giải, tin Phật đúng là không dễ.

Tín tâm đầy đủ trong đời này nhất định có thành tựu, bất luận tu học pháp môn nào, tất nhiên là ví như tu nhân chứng được quả báo. Phạm là y theo kinh luận phương pháp tu hành mà không thể chứng quả, nếu ta nghiên cứu tường tận nhân tố của nó, nhân tố đầu tiên vẫn là tín tâm chưa đầy đủ. Cho thấy tín tâm quả thật không dễ.

Trong Di Đà Kinh Yếu Giải đại sư Ngẫu Ích nói với chúng ta rất tường tận, nếu không chúng ta coi chữ này quá dễ, coi quá đơn giản, lơ là bỏ qua. Không có chân tín không thể có nguyện thiết, nguyện sao phát ra được? Không có nguyện thiết, trong cuộc sống từng li từng tí, không thể tương ứng với giáo huấn của Phật.

Niệm Phật, mọi người chỉ biết niệm một câu “nam mô A Di Đà Phật”, không biết nghĩa sâu, nghĩa rộng của việc niệm Phật. Nghĩa sâu, mặc áo ăn cơm đều niệm Phật A Di Đà, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không có gì không niệm Phật A Di Đà. Vấn đề này, trong các buổi giảng chúng tôi cũng nói rất nhiều. “Niệm” là tâm bây giờ, không phải miệng niệm, tức là

tâm hiện tại của mình, tâm hiện tại của mình hoàn toàn tương ứng với Phật A Di Đà, đây gọi là niệm Phật. Há không phải bao gồm từng li từng tí trong cuộc sống của chúng ta sao? Trong tâm ta thật sự có Phật, ta hoàn toàn tương ứng với tâm Phật, nguyện Phật, hạnh Phật, đây mới gọi là niệm Phật, đây mới gọi là lễ Phật, mới gọi là chiêm Phật.

Thông thường chư vị đồng học, hiểu thấu ý nghĩa này quả thật không nhiều. Tuy đã học Phật, xuất gia nhiều năm, chuyên hoằng pháp lợi sanh, trong tâm vẫn còn thị phi nhân ngã, vẫn còn danh văn lợi dưỡng, vẫn còn tham sân si mạn, vậy sao được? Sự chiêm lễ đó chỉ là hình thức, như diễn kịch vậy, là giả không phải thật.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian cũng là để biểu diễn, họ biểu diễn rất chân thật, không phải họ diễn giả. Họ đang diễn thật, diễn rất chân thật mới có thể cảm động người khác, diễn cái gì thì giống y như thế, như vậy mới giáo hóa chúng sanh. Không như biểu diễn trên khán đài của thế gian, đó là diễn giả không phải diễn thật. Chúng ta xem diễn viên từ trên khán đài, diễn viên hay nhất, khiến cho người xem thương thức, khen ngợi, đó là điều kiện gì? Diễn một cách rất thật, nếu diễn không thật, vừa xem cảm thấy sự giả dối, kịch này không đáng để xem, không thú vị. Họ cố gắng diễn thật chân thật, quan chúng mới có cái để xem.

Nói cho chư vị biết, Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới, diễn một cách chân thật nhất, như vậy mới có thể cảm động tất cả chúng sanh. Chúng sanh phải học tập như vậy, mới đạt được quả báo thù thắng.

Ở đây nói “một chiêm một lễ”, ở trước nói “ít nước ít hoa”, ý nghĩa đều rất sâu sắc.

Ở dưới nói về quả báo. “Hàm môn thắng địa chi hoan”. Câu này nói rất linh động, rất hoạt bát. “Thắng” là thù thắng, cũng là “thiện báo” mà chúng ta gọi. Cấp bậc thiện báo không giống nhau, hoàn toàn xem tâm lượng, nguyện vọng của mình. Người nhân quang cận, nguyện vọng không lớn, đời sau vẫn được thân người, hưởng phú quý nhân gian là đủ rồi. Có thể đạt được chăng? Có thể đạt được. Y theo giáo huấn của Bồ Tát tu hành là có thể đạt được, nếu chưa muốn xuất ly nhân gian. Có người có nhân quang hơn một chút, phú quý nhân gian không có gì bền chắc, thọ mạng lại không dài. Cõi trời vẫn hơn, họ muốn sanh trên cõi trời để hưởng phước trời, người này thông minh hơn người trước. Phú quý nhân gian chẳng qua chỉ mấy mươi năm mà thôi, rất ngắn ngủi. Hưởng thụ mấy mươi năm này còn phải bị trừ bớt, kinh doanh, tu phước của mình ít nhất cũng phải 30 năm. 30 năm trước ta phải phấn đấu, kinh doanh, như vậy phước báo mới hiện tiền. Từ 30 tuổi hưởng phước, cho dù thọ mạng đến bảy tám mươi tuổi, bất quá ta cũng chỉ hưởng được bốn năm mươi năm, có người thọ mạng ngắn, đến năm sáu mươi tuổi là ra đi. Họ hưởng thụ bao lâu? Hưởng được mười mấy năm mà thôi.

Quan sát tường tận, không đáng, không có ý nghĩa, quá ngắn, cõi trời vẫn tốt hơn. Thọ mạng thiên nhân dài, phước báo lớn, thời gian hưởng phước lâu dài. Nhưng thường thường nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, biết rằng cõi trời không phải cứu cánh, cõi trời cũng phải luân hồi, tuy thời gian dài hơn nhưng cũng đến lúc, thời gian đến thì sao? Vẫn đọa lạc như thường, vẫn luân hồi như thường. Cho nên lục đạo không cứu cánh, lục đạo không phải là nơi tốt đẹp. Nghe nói Phật có cõi nước Phật tha phương, nghe nói có nhất chân pháp giới, ở đó đúng là bất sanh bất diệt. Nghe xong sanh tâm hoan hỷ, phát khởi tâm nguyện lớn, muốn truy đuổi sự vĩnh hằng bất sanh bất diệt, muốn theo đuổi sự vĩnh hằng tự tại an vui, đây mới gọi là phát đại tâm. Nếu phát đại tâm này, Phật liền dạy ta tu đại pháp, chứng đại quả.

Chư Phật Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, xưa này chưa từng miễn cưỡng ai. Phật Bồ Tát thị hiện tại thế gian, luôn “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”, đây gọi là gì? Gọi là tùy duyên, Phật không phan duyên, quý vị xem Đức Phật tự tại biết bao. Chúng ta ngày nay, tâm từ bi hơn hẳn Phật Bồ Tát, chúng ta nhất định phải kéo theo chúng sanh, nhanh chóng vãng sanh, không đi không được. Phật không lôi kéo người, chúng ta phải lôi kéo họ, người ta không chịu đi chúng ta sanh phiền não. Phật không kéo người, người ta không đi, Phật không sanh phiền não. Suy nghĩ tường tận, tâm từ bi của chúng ta là gì? Chúng ta là nhiệt tình quá độ, nhiệt tình là phiền não không phải trí tuệ. Phật là trí tuệ, tâm bình thường là trí tuệ. Dùng nhãn quang của chúng sanh để nhìn Phật, ngài rất kiên nhẫn, đời này không được độ, đời sau. Đời sau không được độ, đời sau nữa, cứ từ từ, không hề miễn cưỡng. Ta thử nghĩ xem, đức Phật làm có đúng chăng? Đúng. Vì sao vậy? Không thể miễn cưỡng. Nếu miễn cưỡng có thể thành tựu, Phật cũng sẽ miễn cưỡng, không thể miễn cưỡng.

Như vậy mới lãnh hội được đạo lý tùy duyên, sự thù thắng của tùy duyên. Chúng ta làm là phan duyên, vì thế chúng ta sanh ra là phiền não, không phải trí tuệ. Người ta sanh trí tuệ, không sanh phiền não. Bởi vậy ta phải quan sát tường tận, lãnh hội tường tận, mới biết phương pháp Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Trong kinh nói sự cao minh của “phương tiện thiện xảo”, vượt ra ngoài ý tưởng của chúng ta, là chúng ta cần phải học tập.

Chư Phật Bồ Tát đối với chúng sanh luôn tận tâm tận lực khuyến bảo, chúng sanh nghe hay không không hỏi đến, chúng sanh học hay không cũng không hỏi đến, tâm ngài vĩnh viễn giữ được thanh tịnh. Tận tâm tận lực diễn thuyết, đó là đại từ đại bi hiển lộ, đại trí tuệ hiển lộ, đây là điều chúng ta phải học.

Ở đây nói về “thánh địa chi hoan”, thứ lớp, cảnh giới, vô lượng vô biên. Cũng như nhà Phật nói: “Đệ tử Phật môn, có cầu tất ứng”. Chỉ cần y giáo phụng hành, nhất định có thể mãn nguyện. Nguyện vọng mình nhỏ thì mãn

nguyện nhỏ, nguyện vọng lớn thì mãi nguyện lớn. Nếu không thể nỗ lực thiết thực tu học, nguyện vọng lớn nhỏ đều không đạt được.

Tôi nhớ trước đây tôi nói điều này, khoảng 30 năm trước, khi giảng Kinh Địa Tạng tại Chùa Pháp Hoa thành phố Đài Bắc, hình như Hòa thượng Quảng Khâm có đến nghe một lần. Trong đó có một vị pháp sư trẻ tuổi, tuổi tác khoảng bằng tôi, bây giờ tôi không nhớ tên. Ông ở trong ngôi nhà tranh nhỏ, mỗi ngày ra ngoài tụng kinh bái sám. Pháp sư này hiện nay không còn. Nghe tôi giảng Kinh Địa tạng đến chỗ có câu tát ỨNG, tôi giảng xong ông đến nói với tôi: điều này không đáng tin. Tôi hỏi vì sao không đáng tin? Ông nói, tôi ngày ngày lạy Bồ Tát Địa Tạng, lạy suốt ba năm cầu có một cái tử lạnh mà không được. Tôi nghe thế liền bật cười, tôi nói chùa thầy có bao nhiêu người? Một người. Hèn gì Bồ Tát không tặng cho thầy là đúng rồi, không cần thiết mà. Nếu đạo tràng thầy đông người, Bồ Tát nhất định giúp thầy mãn nguyện. Thầy chỉ có một mình, thường ra tụng kinh bái sám, rất ít khi ở nhà ăn cơm, hà tất dùng đến tử lạnh?

Phật Bồ Tát tặng đồ vật cho ta, cũng xem có cần thiết chăng, không thật sự cần thiết ngài sẽ không cho, tuyệt đối không tăng trưởng tham sân si của ta. Nếu tăng trưởng tham sân si của ta, đó không phải Phật Bồ Tát, mà là ma hiện. Ta cảm ứng đạo giao với ma, ma cũng có câu tát ỨNG. Nhưng ỨNG của ma làm ta tăng trưởng phiền não, tăng trưởng tham sân si mạn. Phật Bồ Tát giúp ta, tuyệt đối không làm ta tăng trưởng phiền não, mà giúp ta tăng trưởng trí tuệ, đây là điểm khác nhau giữa Phật và Bồ Tát.

Ma cũng có thần thông, ma cũng có đạo lực, ma cũng có phước báo rất lớn, họ cũng có thể gia trì người, cũng có thể bảo hộ người, nhưng kết quả sau cùng không giống nhau. Phật gia trì là thắng địa hoan hỷ, ma gia trì ta đến sau cùng đều khiến ta đọa lạc, vì thế kết quả không giống nhau.

Hai câu bên dưới là khen ngợi: “Công mạt kinh yên”. Kinh là lớn, công đức quả lớn. Nghĩa vô lượng vô biên, ý nghĩa sâu rộng vô lượng. Đoạn này nói Thế Tôn khởi động nhân duyên của pháp hội Địa Tạng, chỉ nói đến đây.

Tiếp theo là nói nhân duyên pháp sư chú giải kinh. “Kiệt tuy sanh mạt vận”, chữ này hiện nay là thừa của đại tiểu thừa, đây là cách viết ngày xưa, hiện nay không dùng cách viết ngày xưa, đây là một chữ, một ý nghĩa. Pháp danh của pháp sư là Linh Kiệt. “Tuy sanh mạt vận”, ngài là người thời Khang Hy nhà Thanh, đây là vào thời kỳ mạt pháp của Phật. Tuy sanh vào thời kỳ mạt pháp, “vận” là pháp vận, thời kỳ mạt pháp trong pháp vận. “Hạnh ngộ chân thừa”, bản thân may mắn có nhân duyên phước đức, gặp được Phật pháp hy hữu khó gặp. Trong “chân thừa”, đặc biệt chỉ bộ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện này. Đây là pháp căn bản trong pháp đại thừa, cơ sở chân thật trong pháp môn đại thừa, ngài đã gặp được. Chúng ta có gặp được chăng? Không nhất định, gặp được không nhận thức được nó đồng

nghĩa như không gặp. Cách nói gặp được cũng có thâm nghĩa của nó, gặp nhưng không tin, tin mà không hiểu, hiểu mà không hành, hành không có kết quả, đều đồng nghĩa như không gặp. Thật sự nói gặp được, bốn chữ tín- giải- hành- chứng đều phải viên mãn, vậy mới đúng là gặp được, đúng đã đạt được thọ dụng. Pháp đại thừa đích thực vô cùng thù thắng. Chư vị tổ sư đại đức, trong đó rất nhiều đều là Chư Phật Như Lai ứng hóa mà đến. Vì chúng sanh kiến lập Phật pháp, kiến lập đạo tràng, dựng pháp tràng, hóa độ chúng sanh căn tánh thuần thực ở đây. Đây là phước báo của chúng sanh vùng này, người ở đây thiện căn phước đức nhân duyên thuần thực, mới có hiện tượng này.

Họ xem tứ đại Bồ Tát, như một ngôi nhà có bốn cây trụ, hiển thị dạy học của Phật pháp đại thừa. Bốn cây trụ này chính là tứ đại danh sơn của Trung quốc, tứ đại Bồ Tát, dạy chúng ta tu học Phật pháp đại thừa như thế nào. Thứ nhất là Bồ Tát Địa Tạng. “Địa” ở sau phần giải thích đề kinh sẽ nói tường tận rõ ràng với quý vị, “địa” tượng trưng cho đại địa, “tạng” gọi là bảo tạng. Tất cả chúng sanh không thể sống lia mặt đất, đều phải nương vào đại địa, dựa vào đại địa. Đức Phật đem ý này ví với tâm địa, Chư Phật Như Lai và tất cả chúng sanh cùng một tâm địa. Tâm địa cũng xưng là tự tánh, chân như bản tánh, cùng một tâm địa, ở trước đều đã nói với quý vị điều này. Kiến lập của Phật pháp đại thừa, là kiến lập trên nền tảng của tâm địa. Tâm địa chúng ta có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, tất cả đều là vô lượng, nó vốn đầy đủ trong tự tánh mình, không phải từ bên ngoài vào.

Như trong đại địa hàm chứa kim ngân thất bảo, bảo tạng, chôn vùi dưới lòng đất. Tuy có chúng ta không dùng được nó, chưa khai thác. Chư Phật Bồ Tát đã khai thác, đạt được thọ dụng. Phạm phu chúng ta tuy có, chưa khai thác ra. Luận về gia sản chúng ta bình đẳng, luận thọ dụng tuyệt đối không bình đẳng, giống như tình huống này vậy.

Đức Phật dạy chúng ta làm sao khai phát bảo tạng của tự tánh? Trong Kinh Địa Tạng dạy chúng ta, Kinh Địa Tạng dạy hiểu, dạy kính. Chúng ta phải biết hiểu kính là tánh đức, tự tánh vốn đầy đủ thiện đức. Khai phát tự tánh bảo tạng, nhất định phải dùng tánh đức, nó mới có thể tương ứng. Các phương pháp khác, không thể nào khai phát bảo tạng của tự tánh.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên là hiệu kinh của Phật giáo, nội dung của nó dạy chúng ta hiểu thân tôn sư. Mà chư Phật Bồ Tát còn biểu diễn cho chúng ta thấy, thành tựu vô thượng bồ đề, chứng được quả Phật viên mãn, là như thế nào? Hiểu kính làm đến viên mãn sẽ thành Phật. Rất siêng năng rất nỗ lực thực hiện hiểu kính, chưa viên mãn, đây gọi là Bồ Tát. Chúng ta biết, Bồ Tát là một người con hiếu thuận, là một học sinh biết tôn trọng đạo, đây là Bồ Tát. Từ điểm này, chúng ta hiểu được Bồ Tát nghĩa là gì, ta đã minh bạch.

Sự tu học trong Phật pháp đại thừa, phải lấy “Địa Tạng” làm nền tảng, làm căn bản. Từ căn bản này tăng trưởng lên, phát triển rộng rãi, đây là pháp môn Quan Âm. “Quan Âm” tượng trưng đại từ đại bi. Đại từ đại bi, ngày nay người thế gian gọi là đại ái, bác ái. Hai chữ “bác ái” này xuất phát từ Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch từ 2000 năm trước, mở rộng hiểu kính chính là từ bi. Chúng ta biết hiếu thuận cha mẹ mình, tôn kính thầy mình. Mở rộng hiểu kính có thể hiểu kính tất cả chúng sanh, tôn kính tất cả chúng sanh, đây là pháp môn của Bồ Tát Quan Âm. Chúng ta niệm Bồ Tát Quan Âm, chúng ta chiêm lễ Bồ Tát Quan Âm, có thực tiễn pháp môn Bồ Tát Quan Âm chăng? Không có, vì thế dù đánh lễ Bồ Tát Quan Âm như thế nào cũng không linh. Có người lễ bái Bồ Tát Quan Âm đạt được cảm ứng, quý vị nói nó linh chăng? Nếu linh thật, thì mỗi người lễ lạy đều linh mới đúng. Cầu Bồ Tát Quan Âm gia hộ ta thăng quan phát tài, ta mua vé số trúng thưởng. Mỗi người lễ bái Bồ Tát Quan Âm, mỗi người đều trúng thưởng, Bồ Tát Quan Âm linh. Còn có những người không trúng thưởng, Bồ Tát Quan Âm không linh. Trong quan niệm người thế gian đều nghĩ sai, đây gọi là mê tín. Hiểu sai ý nghĩa của Phật pháp, hiểu lệch lạc ý nghĩa của Phật pháp. Phật Bồ Tát không phải quỷ thần, không thể gia hộ người. Phật Bồ Tát là dạy người, dạy chúng ta, bản thân mình phải thực hành. Ta có thể kính yêu tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh sẽ kính yêu ta. Ta biết kính người, người luôn kính trọng. Ta dùng thành ý tôn kính người khác, đương nhiên người ta tôn kính ta. Ta chịu giúp người khác, người khác cũng chịu giúp ta. Đây là ý nghĩa thật sự của Bồ Tát Quan Âm đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn.

Chúng ta có tai nạn, hy vọng người khác đến cứu ta, Bồ Tát đến cứu chúng ta. Họ có tai nạn, ta ở đó nhìn thấy như như bất động, thấy cũng giống như không nhìn thấy, như vậy sao có thể được quả báo. Đây là hành vi của chúng ta, thái độ của chúng ta. Đến khi ta có nạn, lâm thời ôm chân Phật, cầu Bồ Tát Quan Âm gia hộ cho ta. Còn phát nguyện trước Bồ Tát Quan Âm, xin ngài gia hộ cho con, tương lai con sẽ báo đáp cho ngài như thế nào, ra điều kiện với Bồ Tát, làm việc hồi lộ, coi Bồ Tát như hàng tham quan ô lại. Không biết thái độ này, đã gây ra tội nghiệp rất nặng.

Bồ Tát Quan Âm tượng trưng từ bi của tự tánh, là muốn ta đem từ bi này yêu thương tất cả chúng sanh khổ nạn. Ý nghĩa vốn có là như vậy, ta xem nó hoàn toàn ngược lại, đây là sai lầm.

Cho nên chúng ta hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, kính trọng tướng bói, sẽ được Bồ Tát Địa Tạng gia trì.

Ta có thể quan tâm xã hội, yêu thương đại chúng, tận tâm tận lực giúp người khác, đặc biệt là người có khổ nạn, sẽ được Bồ Tát Quan Thế Âm gia trì. Ta không cúng dường Bồ Tát Quan Thế Âm, không lạy Bồ Tát Quan Âm, Bồ Tát Quan Âm cũng gia trì ta. Vì sao vậy? Vì tâm nguyện, hành vi của ta



giống như Bồ Tát. Trong nhà Phật, chú vị phải nhớ rằng, không trọng hình thức mà trọng thực chất. Hình thức chỉ vì tuyên truyền, thực chất mới có thể đạt được lợi ích chân thật, không thể không hiểu điều này.

Bồ Tát Văn Thù tượng trưng trí tuệ, người bây giờ gọi là lý tánh, tuyệt đối không phải xử sự theo cảm tình. Cho nên nói hiếu kính của ta, từ bi của ta, ta quan tâm đến xã hội đại chúng, yêu thương hiệp trợ là lý tánh, không phải cảm tình. Trong cảm tình là gì? Có tốt xấu. Tôi thích bạn, tôi giúp bạn. Tôi không thích bạn, tôi không giúp bạn, cảm tình. Lý trí không có tốt xấu, anh gặp khó khăn, anh là kẻ địch của tôi, là kẻ thù của tôi, tôi cũng giúp anh, giúp một cách bình đẳng. Anh có khó khăn, có nỗi khổ. Trong lý tánh không có thị phi nhân ngã, không có ân oán, không có bỉ thử, Bồ Tát Văn Thù tượng trưng điều này. Đây gọi là trí tuệ chân thật, là tâm thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền.

Bồ Tát Phổ Hiền tượng trưng cho việc thực hành, chính là ở trước nói về hiếu kính của Địa Tạng, từ bi của Quan Âm, lý tánh của Văn Thù. Hoàn toàn thực hành trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thực hành trong công việc của mình, thực hành trong giao tế hằng ngày, xử sự đối nhân tiếp vật, tất cả đều làm được. Phổ Hiền là một nhà thực hành.

Tứ đại Bồ Tát này tượng trưng dạy học của Phật pháp đại thừa, tượng trưng tu dưỡng của Phật pháp đại thừa, chúng ta cần phải hiểu. Phật pháp là dạy học, Phật pháp là giáo dục không phải Tôn giáo, chúng ta cần phải nhận thức phân minh.

Ở đây pháp sư tự thuật, ngài sanh vào thời mạt pháp, chúng ta cũng sanh vào thời mạt pháp. Tuy đều sanh vào thời mạt pháp, thời đại chúng ta cách gần 300 năm. Xã hội 300 năm trước khác với xã hội hôm nay, lúc đó thái bình thịnh thế, trong lịch sử Trung quốc cũng đáng được tán thán, thời kỳ thanh nhất thời nhà Thanh. Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, ba triều đại này tổng cộng hơn 100 năm, đúng là thiên hạ thái bình, xã hội an định, nhân dân an lạc, rất nhiều hiền nhân. Nói cách khác, cơ hội tiếp thu giáo dục của họ thù thắng hơn chúng ta, cao tăng đại đức lúc nào cũng có thể gặp được. Chúng ta ngày nay sanh trong thời loạn, không những là thời loạn, có thể nói là thời đại loạn. Không có ai nói về luân lý đạo đức, đôi lúc chúng ta nhắc đến còn bị rất nhiều phê bình chỉ trích, nói chúng ta lạc hậu không theo kịp thời đại. Ta nghĩ lại lời này cũng không sai, chúng ta lạc hậu, thời đại đã đi đến đâu? Đi đến bên lề của sự hủy diệt, đi vào trong cảnh giới phong cuồng. Nghĩ lại sự lạc hậu của chúng ta chưa chắc không phải việc tốt. Nếu như trong kinh nói, đi đến “thắng địa”, chúng ta lạc hậu là sai. Trong thời đại này, may mà chúng ta lạc hậu, nếu không lạc hậu sẽ theo họ nhảy nhót điên cuồng trong phòng nhảy, ngày đêm không nghỉ, làm những điều này. Sau khi vui tốt cùng quả báo trong đường ác, cũng may là lạc hậu. Bản thân chúng ta

cũng khẳng định mình lạc hậu, nhưng đứng trên một phương diện khác, chúng ta đang tinh tấn. Về mặt trí tuệ, đức hạnh, chúng ta không lạc hậu. Về phương diện tự tư tự lợi, tranh quyền đoạt lợi, tham sân si mạn, đối với những vấn đề này đúng là chúng ta rất lạc hậu. Lạc hậu có gì không tốt đâu? Về mặt mà chúng ta tinh tấn họ cũng lạc hậu, mặt mà họ tinh tấn chúng ta lạc hậu, so sánh hai bên, tâm ta cũng đạt được chút an ủi. Trong thời mạt pháp, chúng ta “may mắn gặp chân thừa”, may mắn của chúng ta khó được hơn họ nhiều. Trong thời đại như thế, chúng ta cũng gặp được bộ kinh điển này, điều khó được là gặp được chú giải của ngài. Nói thật, nếu ngài không chú thích tường tận tỉ mỉ như vậy, chúng ta đọc không hiểu Kinh Địa Tạng. Làm sao hiểu được trong kinh văn bao hàm nhiều ý nghĩa đến thế? Pháp sư Thanh Liên, chẳng lẽ lại không phải Phật Bồ Tát hóa thân ứng hiện sao? Kinh Địa Tạng lưu truyền lâu như vậy, xưa nay chưa có ai làm chú giải. Cũng có thể có người viết chú giải, nhưng bị thất truyền, không lưu truyền. Hiện nay trong Đại Tạng Kinh, chú giải của cổ nhân chỉ còn một loại này, không thấy loại thứ hai. Chúng ta nhìn từ đây, nhìn từ nội dung của chú giải này, nếu ngài không phải Chư Phật Như Lai tái sanh, cũng là hàng Bồ Tát như Quan Âm, Địa Tạng, đâu phải người bình thường? Người bình thường làm sao nói được như vậy? Trong bài tựa này lời giản dị ý sâu xa, văn tự không nhiều nhưng nói một cách rất thấu triệt, tầng lớp rõ ràng thấu đáo, không phải phàm phu có thể làm được. Hôm nay chúng ta gặp được chân thừa, là chú giải này, Khoa chú.

Ở sau ngài nói vài câu khách sáo: “Duật sùng tùy hỷ chi tâm, dùng tác tân lương chi địa, liêu thân quản kiến, lược thích đề danh”, đây là lời khách sáo của ngài.

“Duật sùng tùy hỷ chi tâm”. Thuận theo tâm ứng hóa tùy duyên độ sanh của Chư Phật Bồ Tát, tùy thuận tâm nguyện giáo hóa chúng sanh của Phật Bồ Tát. “Dùng tác tân lương chi địa”, đây là nói ngài viết chú giải này, giúp chúng ta mở ra một con đường tắt, bắc một chiếc cầu. Khiến hàng bạc địa phàm phu chúng ta, nhờ chiếc cầu của ngài, nhờ con đường tắt này của ngài để đi đến đại thừa. “Liêu thân quản kiến”, quản kiến là thành ngữ ngày xưa, “dùng vỏ sò lường nước biển”. Ông dẫn rất nhỏ, nhìn đồ vật qua ông dẫn, phạm vi đó nhìn rất nhỏ bé, đây là khiêm tốn. Bản thân đối với biển rộng Phật pháp chỉ biết được đôi chút, đây là lời khách sáo, lời nói khiêm tốn. Giải thích bộ đại kinh này cho chúng ta, chú giải này là chỗ tinh nghĩa mà ngài lãnh hội được, nói ra cho chúng ta, làm người hướng dẫn cho chúng ta. Nói như hiện nay, làm hướng dẫn viên du lịch cho chúng ta, du lịch cảnh giới của pháp môn Địa Tạng. Ở trong kinh chúng ta không nhận ra, ngài giảng giải cho chúng ta.

Bên dưới là “lược thích đề danh”, ngài là con cháu của Thiên thai tông, cho nên dùng quy củ của Thiên thai để giải thích, ngũ trùng huyền nghĩa.

“Ký Tam bảo chi minh gia, tổng chư văn nhi dung quán”. Đoạn văn chương ở trước của ngài mệnh danh là luận quán, nội dung luận quán là đem tinh nghĩa của toàn kinh làm giới thiệu toàn thể. Trong đó bao gồm ngũ trùng huyền nghĩa, còn phong phú hơn cả ngũ trùng huyền nghĩa, vì thế luận quán không dễ viết. Nếu đối với bộ kinh này, không triệt để quán thông thì không thể làm được. Ngũ trùng huyền nghĩa, chúng ta y theo kết cấu này có thể bù đắp, luận quán thì không thể. Đây chính là “tổng chư văn nhi dung quán”.

“Phổ nguyện kiến văn, đồng thú lạc độ vân nhĩ”. “Phổ nguyện kiến văn” là đương thời đời sau, trong đó bao gồm chúng ta hiện tại. Chúng ta thấy được Khoa Chú, chúng ta cũng nghe được Khoa Chú, câu sau cùng là nguyện vọng của pháp sư Thanh Liên, chúng ta “đồng thú lạc độ”. Hai chữ “lạc độ” này rất thâm sâu, ý nghĩa cũng rất linh hoạt, cùng một ý với câu ở trước ngài nói “hàm môn thắng địa chi hoan”, trước sau phối hợp.

Niềm vui phải nâng cao lên, không thể rơi xuống. Nếu thích sanh lên cõi trời, chắc chắn được sanh lên cõi trời. Kinh này Thế Tôn, Bồ Tát thường khuyên chúng sanh sanh lên cõi trời, vì bộ kinh này là nói với hàng sơ học. Đến khi nào mới dạy ta vượt thoát lục đạo, vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới? Đến Bồ Tát Phổ Hiền, đến Văn Thù, Phổ Hiền mới nâng ta đến phương diện cao nhất. Tông môn nói: “hướng lên một bậc”, nâng lên chỗ cao nhất. Ở đây là giúp kéo ta lên, tuyệt đối không đọa ba đường ác. Đây là bước thứ nhất Phật hóa độ chúng sanh, khiến ta đứng vững không đọa vào ba đường ác, sau đó mới từ từ đưa ta nâng cao lên.

Mấy chữ này của ngài tượng trưng ý này, rất linh hoạt. Bên dưới là ngũ trùng huyền nghĩa của Thiên thai tông. Tự thuật nhân duyên chú kinh của ngài nói đến đây, trong này tổng cộng chỉ một hàng, chưa đến một hàng rưỡi.

Chúng ta đọc sơ lược qua đoạn văn bên dưới, ngũ trùng huyền nghĩa chúng ta không cần nói y theo văn của ngài, nếu nói theo văn của ngài sẽ trở thành nói chú giải. Đoạn ở trước nhất định phải nói, điều này rất khó được, rất hy hữu. Là người học Phật chúng ta, đặc biệt là người giảng kinh thuyết pháp không thể không biết.

“Ngũ trùng huyền nghĩa” là một quy củ của đại sư Thiên Thai, đại sư Trí Giả cuối nhà Tùy đầu nhà Đường dùng để giải thích tất cả kinh luận, ngài có phương thức đặc biệt của ngài. Trước khi chưa giảng kinh, dùng năm khoa mục để giới thiệu đại ý toàn kinh. Đây gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, nghĩa lý huyền diệu.

Thứ nhất- ở đây là hàng thứ tư, chư vị thấy chữ thứ hai. “Nhất thích danh, nhị biện thể, tam minh tông, tứ luận dụng, ngũ phán giáo tướng”. Đại sư Trí Giả dùng năm phương thức này, giới thiệu nghĩa lý toàn kinh. Trước

khi vào giảng kinh, giới thiệu đại ý toàn kinh. Có hai ý. Ý thứ nhất, đối với hàng sơ học mà nói, kinh văn rất dài, cần thời gian giảng giải, mất rất nhiều thời gian. Họ không hiểu nghĩa thú của kinh điển, rất khó phát sanh hứng thú. Đặc biệt là đại kinh rất dài phải giảng rất lâu, họ sẽ không có nhẫn nại, không muốn đến nghe. Vì thế giới thiệu đại ý toàn kinh trước, họ nghe xong cảm thấy kinh này có nhiều lợi ích như vậy, thù thắng như vậy. Khiến cho họ phát tâm, nghe viên mãn kinh này, học tập viên mãn, chính là ý này, là nguyên nhân nói đại ý trước.

Ý thứ hai là đối với người tu lâu năm, người tu lâu năm không cần nghe kinh, họ đã nghe kinh biết bao nhiêu lần, nghe thêm làm gì. Họ chuyên tâm tu pháp môn của mình, họ thích nghe huyền nghĩa. “Huyền nghĩa” là gì? Là báo cáo tâm đắc của người giảng kinh. Có thể từ trong lần diễn giảng này, biết được trình độ thâm nhập Phật pháp của họ, rất đáng cho người tu hành lâu năm làm tham khảo. Công phu tu trì, kiến giải, trí tuệ của họ đều biểu đạt trong đoạn này. Bởi thế người tu hành lâu năm thích nghe huyền nghĩa, không thích nghe giảng kinh. Giảng kinh y theo kinh văn, quý vị nói được, họ cũng nói được, họ muốn nghe thử tâm đắc của quý vị.

Ngày xưa pháp sư giảng kinh, trước khi giảng kinh văn đều có cách nói này, nhưng mỗi người có một phương thức khác nhau. Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, có khoảng mười mấy phương thức, mỗi người có thể theo phương thức của mình. Thiên thai dùng năm cương mục này để giải thích. Hiền Thủ nhiều hơn, Hiền Thủ dùng mười điều, mười cương mục, Hoa Nghiêm tông “thập môn khai khởi”. Cũng có dùng đơn giản, cũng có dùng phức tạp, các pháp sư ngày xưa đều dùng không tương đồng. Nhưng đến sau cùng, khoảng giữa thời nhà Đường trở về sau, phương thức phương pháp của các pháp sư đều bị đào thải, không ai áp dụng. Chỉ có Hiền Thủ và Thiên Thai còn lưu lại.

Đây là trải qua sự đào thải của lịch sử, chứng minh phương thức của hai tông này hay, cho nên được hậu nhân áp dụng. Bất luận là chú kinh hay giảng kinh đều tuân theo quy củ này, đặc biệt là Thiên thai tông, những năm gần đây còn được hoan nghênh hơn cả Hiền Thủ. Vì sao vậy? Vì Hiền Thủ quá rắc rối, Thiên Thai năm điều này đơn giản, mười điều quá phiền phức. Đến thời đại hiện nay, nói cho chư vị biết, ngũ trùng huyền nghĩa cũng không được ưa chuộng. Vì sao vậy? Vì người bây giờ thấy năm điều đã là quá nhiều, quá phiền phức.

Cư sĩ Lý Bình Nam, năm đó mở lớp dạy học, dạy chúng tôi giảng kinh. Nói với chúng tôi ngũ trùng huyền nghĩa, thập môn khai khởi, chúng ta không thể không hiểu. Nếu không hiểu không thể coi là người giảng kinh, ta phải hiểu, nhưng có dùng được chăng? Không dùng được. Người bây giờ quý vị nói năm điều này, sẽ khiến người ta đi hết, không ai nghe, vậy phải

làm sao? Hiện nay giảng kinh tốt nhất là giảng một thứ, nhân duyên giảng kinh, nói rõ vì sao chúng ta giảng bộ kinh này, sau đó trực tiếp giảng đề kinh. Giảng hết đề kinh liền giảng “tôi nghe như vậy”, trực tiếp dứt khoát, người bây giờ thích nghe nhất.

Đi vào thời đại công nghiệp, mọi người công việc bận rộn, tranh thủ từng giờ từng phút, làm gì có thời gian đến nghe quý vị nói chuyện phiếm? Chúng ta phải hiểu căn cơ của người hiện đại. Phật pháp chú trọng “khế lý khế cơ”, tuy ta diễn dịch như pháp, nhưng không hiểu được căn tánh của người hiện đại, kết quả vẫn thất bại, nhất định phải hiểu người thời nay họ cần gì. Do đó chú giải của cổ đức, chỉ cung cấp chúng ta làm tham khảo, tuyệt đối không được áp dụng nó. Nếu ta áp dụng hoàn toàn của cổ nhân, tuyệt đối không thông suốt, giảng kinh nhất định thất bại, đây là nguyên tắc ta cần phải nhớ.

Lần này chúng tôi diễn giảng cũng dùng ngũ huyền làm cương lĩnh, giải thích của chúng tôi cố gắng đơn giản rõ ràng, tiết kiệm thời gian. Khiến mọi người từ đây cũng có thể nhận ra tinh nghĩa của bộ kinh này.

Trong chú giải, pháp sư Thanh Liên có một vài kiến giải vô cùng độc đáo, phát huy thù thắng, chúng ta cũng có thể đọc nghe thử. Không ít điều vẫn rất đáng để ngày nay chúng ta học tập, những chỗ này chúng ta có thể nói tường tận. Những điều hiện nay chúng ta không cần, không dễ lý giải, không thích hợp với hoàn cảnh xã hội hiện tại, môi trường sinh hoạt, hình thái ý thức, chúng ta lược bớt. Cũng may chú giải còn, nếu chư vị muốn thâm nhập, có thể y theo nguyên trước tu học.

Trong huyền nghĩa, quả thật pháp sư có nhiều kiến giải rất cao minh, trong huyền nghĩa của cổ đức rất ít thấy. Ngài lấy lý niệm “không thể nghĩ bàn” làm y cứ, y cứ Thế Tôn diễn thuyết pháp môn này, không thể nghĩ bàn này. Khó lắm.

Chúng ta nghĩ xem, Thế Tôn nói Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, còn mệnh danh là Kinh Đại Bát Tư Nghì, Kinh Duy Ma xưa nay mệnh danh là Kinh Tiểu Bát Tư Nghì. Pháp sư Thanh Liên đối với Kinh Địa Tạng cũng dùng bát tư nghì làm tiêu chuẩn. Há chẳng phải đem kinh này và Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kinh Duy Ma kéo thành một đường thẳng ư? Cách nhìn cách nói của ngài có đạo lý chăng? Có đạo lý, không phải nói tùy tiện, từ đâu nhận ra? Chúng ta thấy trong Phẩm Tập Hội, Phẩm Đạo Lợi Thiên Cung Tập Hội. Những người tham dự pháp hội, là tất cả Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát khắp tận hư không biến pháp giới và Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quả thật không hai không khác. Hoa Nghiêm gọi là “nhất thừa liễu nghĩa”, chẳng lẽ kinh này không phải nhất thừa liễu nghĩa? Quan điểm của ngài có căn cứ, không phải nói tùy tiện. Do đó ngài lấy đề là “nhân pháp bát tư nghì làm danh”. Trong huyền nghĩa nói như vậy.

Trong biện thể lấy “tánh thức bất tư nghi làm thể”. Về phương diện luận dụng, trong năm điều này ngài đều thêm vào bất tư nghi, lấy “hạnh nguyện bất tư nghi làm tông”. Cách nói này quả thật chúng ta rất ít gặp, rất ít nghe. Tư duy quan sát tường tận, có đạo lý, cũng khiến chúng ta lãnh hội được pháp sư không phải người thường, người thường không thấy sâu sắc như vậy, không thấy rộng như thế. Nói ngài là Phật Bồ Tát tái sanh tuyệt đối không quá đáng.

Đại sư Thiên thai, nguồn gốc của năm hạng mục này, nó có thứ lớp, ở đây có nói cho chúng ta biết, chúng ta đọc một lượt đoạn văn này. Trang thứ hai, hàng thứ tư, đọc từ ở giữa.

“Sở dĩ ngữ trùng dự thích giả”, dự thích là giải thích trước, trước khi giảng kinh văn nói về đại ý trước. “Dĩ thị kinh trung, u huyền chi nghĩa, linh nhân nhất lãm, tức năng toàn danh”, vừa xem đã biết tên của nó. “Thức sở toàn thể”, nhận ra tánh chất của kinh này, thể là tánh chất. “Dục hiển thử thể, tu minh tông yếu”, tông yếu là phương pháp tu hành. “Tông thành thể hiển, diệu dụng đặc lực”, đây là nói đến luận dụng, học kinh điển này có lợi ích gì. “Nhiên hậu phán thuộc, thời vị bộ giáo, tắc nghĩa chỉ lãnh nhiên, chiêu hồ tâm mục, thí chi nghĩ quán sơn hải, tiên duyệt đồ kinh, vị xuất môn đình, nhi tình cảnh uyển tại hỷ”. Mấy câu này ngài nói rõ, vì sao đại sư Trí Giả dùng năm phương thức này để nói đại ý trong kinh.

Đề là tổng cương của một bộ kinh, giống như đề mục của một bài văn vậy. Ta nhìn đề mục, liền có khái lược về đại ý của bài văn này, biết nó nói về điều gì. Vì thế nói một bài văn phải nói đề mục trước, giảng một bộ kinh cũng phải giảng đề kinh trước, nghĩa là đem cương lĩnh chung của toàn kinh trình bày trước. Tiếp đến là những lý luận nói trong kinh, Đức Phật căn cứ vào đâu để nói bộ kinh này. Cũng có thể gọi là biện thể, thể chính là y cứ luận lý của kinh điển. Nếu y cứ lý luận của nó không đáng tin, chúng ta rất khó tin. Lý luận y cứ của nó thiết thực, mức độ tin cậy tăng cao.

Biện thể, dùng cách nói như hiện nay, chính là y cứ luận lý Phật nói bộ kinh này là gì? Chúng ta hiểu rõ, mới có thể kiến lập tín tâm. Chúng ta đã tin, lý cũng hiểu, nhưng chúng ta phải làm như thế nào? Hiện nay nói là thực hành ra sao? Biến nó thành cuộc sống của chúng ta, như vậy mới đem lại lợi ích. Nếu không thể biến thành cuộc sống, há chẳng phải gọi là huyền đàm ư? Huyền đàm là nói suông, không thiết thực, không có lợi ích cho cuộc sống hiện thực của chúng ta, người bây giờ rất hiện thực.

Người xưa, thời đại nông nghiệp cuộc sống nhàn hạ, họ có thể có những điều vui thích, có thể tự do tự tại. Người thời nay không có, làm gì có thời gian rảnh rỗi? Cho nên so với người xưa rất hiện thực, những lời nói suông này rất ít người thưởng thức. Do đó nhất định phải thực hành nó, thực hành chính là “minh tông”, minh tông là nói phương pháp tu học. Phương pháp tu

học là đem những lý luận này thực hành trong cuộc sống. Sau khi thực hành, làm theo luận lý phương pháp này, có những ưu điểm gì, có những lợi ích gì. Đây là đoạn thứ tư “luận dụng”, dụng là thọ dụng, tu học theo phương pháp này được những thọ dụng gì. Chúng ta nghe nói có những thọ dụng tốt đẹp, như vậy mới chịu học.

Điều sau cùng, thực tế mà nói bây giờ không dùng đến “phán giáo tướng”, phán giáo tướng khi nào dùng? Trong Phật học viện dùng. Chính là bộ kinh điển này, khoa mục này, Phật học viện có năm một, năm hai, năm ba, nên xếp vào năm thứ mấy, lớp nào, giống như hiện nay nhà trường sắp xếp chương trình vậy, đây gọi là phán giáo tướng. Phần này đối với người bình thường, không cần nói đến, họ không hiểu. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ, trong Phật pháp đại thừa, đây là Phật pháp cơ sở, nói cách khác, đây là “khoa mục chung”. Bất luận ta tu học pháp môn nào, tông phái nào, Hiền giáo Mật giáo, Tông môn giáo môn, nếu không biết hiểu thân, không biết tôn sư, sự tu học của mình không có nền tảng, không có cơ sở, như vậy không thể thành tựu. Kinh này là khóa trình cơ bản của đại thừa, là khoa mục chung, khoa mục không thể thiếu. Đây chính là giáo tướng, là giáo tướng thông đồ.

Bây giờ chúng ta theo thứ tự này xem đề kinh trước, nó lấy nhân pháp không thể nghĩ bàn lập đề. Lập đề kinh Phật có quy củ, lập đề kinh Phật không phải tùy tiện, nó có một nguyên tắc, nguyên tắc này không ngoài ba cương lĩnh “nhân, pháp, dụ”.

Có một số kinh dùng “nhân” làm đề mục, chẳng hạn Kinh Phật Thuyết A Di Đà, trong đề mục này là người. “Phật thuyết”, Phật đó là Phật Thích Ca, “Phật A Di Đà” là Phật của thế giới tây phương Cực Lạc, cả hai đều là người, đề kinh này là lấy người lập đề.

Cũng có đề kinh dùng “pháp”, chẳng hạn Kinh Pháp Hoa, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa vẫn không được, diệu pháp còn có liên hoa, nó là hai loại. Chỉ nói về pháp, Kinh Đại Bát Nhã, đây là “pháp”, thuần túy nói về pháp. Kinh Đại Niết Bàn cũng là pháp, trong này không có người, không có ví dụ.

Đây là nguyên tắc lập đề, ba cương lĩnh, ba cương lĩnh có ba loại, còn có một kinh đề có hai loại, như “nhân, pháp”. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là “pháp, dụ”, diệu pháp là pháp, liên hoa là ví dụ, trong này có hai loại. Như vậy phối hợp lại là ba đơn ba phức. Còn có một loại đầy đủ cả “nhân, pháp, dụ”, như Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng là pháp, Phật là nhân, Hoa Nghiêm là ví dụ, trong đề này có đủ cả ba loại. Những điều này thuộc về thường thức Phật học, chư vị học Phật trong thời đại này, biết hay không cũng không liên quan gì lớn. Nhưng pháp sư học giảng kinh nhất định phải biết, chư vị đồng tu nghiên cứu giáo lý cũng cần

phải biết. Bình thường bản thân ta tinh tấn tu hành, hy vọng đời này thành tựu, những thường thức này biết hay không không quan trọng.

Trong đề mục của bộ kinh này là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, đề mục này có bảy chữ, trong bảy chữ có thông đề, có biệt đề. Gọi là “thông đề” là thông tất cả kinh, chữ “kinh” này là thông đề. Mọi người đều biết Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm đều xưng là kinh, chữ “kinh” này là thông đề. Sáu chữ còn lại là “biệt đề”, không giống với các kinh điển khác. Trong đề mục tự mình phân thông và biệt, điều này nhất định phải giải thích rõ ràng.

Sáu chữ trong biệt đề “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên”, Địa Tạng Bồ Tát là người, Bản Nguyên là pháp, cho nên nó lấy nhân pháp làm tên. Địa Tạng Bồ Tát không thể nghĩ bàn, bản nguyên của Bồ Tát cũng không thể nghĩ bàn, pháp sư Thanh Liên thêm vào “lấy nhân pháp bất tư nghi làm tên”.

Trong kinh này Thế Tôn nói cho chúng ta biết về danh xưng của bộ kinh này, Phật nói ba loại. Thứ nhất là “Địa Tạng Bản Nguyên”, thứ hai “Địa Tạng Bản Hạnh”, thứ ba “Địa Tạng Bản Thệ Lực”, thệ nguyện của ngài, sức mạnh của thệ nguyện này. Phật nói ba loại, pháp sư dịch kinh chọn một loại trong đó, lấy “Địa Tạng Bản Nguyên”. Trong một đề mục này, trên thực tế bao gồm “hạnh”, cũng bao gồm “thệ”, nó bao gồm tất cả.

Trong tên người cũng có thông biệt, Địa Tạng là biệt danh, Bồ Tát là thông danh. Thực tế mà nói, Địa Tạng vẫn là thông danh, nhưng hợp với Bồ Tát mà nói, phạm vi của Bồ Tát lớn hơn nó. Sao lại nói Địa Tạng là thông danh? Ta học bộ kinh này, tu hành theo phương pháp lý luận trong kinh này, ta gọi là Bồ Tát Địa Tạng. Họ cũng tu hành theo phương pháp lý luận này, họ cũng là Bồ Tát Địa Tạng. Bồ Tát Địa Tạng rất nhiều, không chỉ một người, cho nên nó cũng là thông danh.

Pháp sư Diên Tục học theo phương pháp lý luận này, Diên Tục Địa Tạng Bồ Tát, Diên Tục là biệt danh. Khoan Dung học theo pháp này, Khoan Dung Địa Tạng Bồ Tát. Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này, không được xem Bồ Tát chỉ có một người. Phạm những ai tu học pháp môn này, đều gọi là Bồ Tát Địa Tạng. Phạm người tu học pháp môn Quan Âm Bồ Tát, đều gọi là Bồ Tát Quan Âm, phải hiểu đạo lý này. Người thế gian chúng ta hiện nay chấp trước rất kiên cố, Bồ Tát Địa Tạng tuyệt đối không phải là Bồ Tát Quan Âm, sai lầm. Nếu Bồ Tát Địa Tạng dùng hiệu thân tôn sư dạy cho tất cả chúng sanh, Bồ Tát Quan Âm lập tức biến thành Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng lặc người biến thành Bồ Tát Quan Âm. Phật Bồ Tát không có thân tướng, Phật Bồ Tát không có danh hiệu. Danh hiệu, thân tướng như Kinh Lăng Nghiêm nói, “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Sau đó ta mới biết, Chư Phật Bồ Tát là một, nhất thể. Nhất thể chính là nhất chân, nhất pháp giới, nhất pháp thân. Tùy theo cảm ứng của chúng sanh mà biến hóa. Quý vị như



vậy, đối với Chư Phật Bồ Tát liền sanh tâm bình đẳng, không còn phân biệt, không còn chấp trước.

Biết được như trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả tức một, một tức tất cả”. Một và tất cả chúng ta đều có phần, chúng ta không ở bên ngoài, đều có phần. Như vậy ta mới thật sự buông bỏ, không hiểu những điều này, làm sao có thể buông bỏ vọng tưởng phân biệt? Thấu triệt chân tướng sự thật, buông bỏ vọng tưởng phân biệt, không còn vọng tưởng, không còn phân biệt nữa. Thông đạt chân tướng sự thật, tâm luôn định, định sanh trí tuệ, định không sanh phiền não. Đây là điều trước tiên mà chúng ta cần phải thấu hiểu rõ ràng minh bạch.

Danh hiệu của Địa Tạng. “Địa” là đại địa, đại địa không những chứa đựng kim ngân thất bảo gọi là bảo tạng, tất cả mọi thứ đều là bảo tạng. Trên mặt đất sinh trưởng ngũ cốc lương thực là bảo tạng, chúng ta nương vào nó mà sống, chúng ta không thể sống lìa mặt đất, sinh hoạt nương vào đại địa. Phật dùng điều này để ví dụ tâm địa chúng ta. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, thức vẫn là tâm. Pháp thế xuất thế hư không pháp giới y chánh trang nghiêm, đều là tự tánh sở hiện, vọng thức sở biến, trong phần luận quán ở trước nói rất rõ ràng minh bạch điều này. Cho nên tâm địa hàm chứa vô tận bảo tạng, chúng ta thường dùng vô tận trí tuệ, vô tận đức năng. Tất cả đều là vô lượng, tất cả đều không thể nghĩ bàn. Đây là nguồn gốc danh hiệu Địa Tạng.

Làm sao khai phát bảo tạng này? Cần phải tu pháp môn Địa Tạng, nội dung pháp môn Địa Tạng là gì? Trong kinh điển này, từ đầu đến cuối nói rất rõ ràng, “hiếu thân”. Như vậy chúng ta mới biết, Phật pháp dạy học được kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo, sự viên mãn của Phật pháp cũng trên hiếu đạo. Từ đầu chí cuối đều nói đến một chữ hiếu. Hoàn thành hiếu đạo một cách viên mãn, người này đã thành Phật. Hiếu hạnh, hiếu kính đây là Bồ Tát, chưa đạt đến viên mãn.

Khoảng mười năm trước, vì thời gian gần đây trong mười mấy năm này, tôi hoàn toàn giảng Tịnh độ, ngoài kinh Tịnh độ tôi không giảng. Có một lần, ở Washington DC thuộc đông hải nước Mỹ, cho đến miền nam Florida, tôi giảng đại ý Kinh Địa Tạng tại vùng này. Có đồng học hỏi tôi, pháp sư chẳng phải thầy chuyên hoằng Tịnh độ, sao bây giờ lại giảng Kinh Địa Tạng? Tôi nói, đúng vậy, tôi chuyên hoằng Tịnh độ. Vậy sao thầy giảng Kinh Địa Tạng? Tôi không giảng Kinh Địa Tạng, tôi vẫn giảng về Tịnh độ, ông ta không hiểu. Tôi nói, trong pháp môn Tịnh độ, căn bản tu học là tịnh nghiệp tam phước, ông có biết chăng? Ông ta nói, có nghe. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về tịnh nghiệp tam phước, điều thứ nhất của tịnh nghiệp tam phước nói gì? “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp thiện. Tôi hỏi có đúng vậy chăng? Đây có phải nền tảng trong kinh

điền Tịnh độ chăng? Đúng vậy. Kinh Địa Tạng chính là giải thích bốn câu này, bộ kinh này chú giải phước thứ nhất, tôi vẫn giảng về Tịnh độ, không hề giảng kinh khác. Như vậy ông ta mới đồng ý, tôi nói đều là sự thật.

Phước thứ nhất trong tịnh nghiệp tam phước, nếu chúng ta giảng tường tận cũng phải mất nửa năm. Như vậy mới hiểu rõ ràng, minh bạch, bước chân tu hành của chúng ta mới đứng vững, công phu mới đắc lực. Hiện nay tu học công phu không đắc lực, đều do nền tảng không vững, đây là nguyên nhân chính.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây. Danh hiệu chưa giảng xong, lần sau chúng ta tiếp tục.

**Hết tập 5**